

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGHI SƠN  
TỈNH THANH HÓA  
Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 26-8-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thế Hải và ông Nguyễn Văn Dương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Vân Ánh - Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện VKSND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Nghi Sơn, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 82/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐ-HPT ngày 14/8/2024 của TAND thị xã Nghi Sơn giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị X - Sinh năm 1986 (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H - Sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cùng HKTT: TDP yên C, phường B, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị X trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T (nay là phường B, thị xã N), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 07/12/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu say về đánh đập chửi bới vợ con, đập phá đồ đạc trong gia đình. Ngoài ra, kinh tế gia đình chủ yếu do chị làm ra, anh H không lo làm ăn, không chăm sóc gia đình, con cái. Đã nhiều lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị phải trình báo với chính quyền địa phương nhưng anh H vẫn không thay đổi. Nay chị

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không thể tiếp tục chung sống với anh H được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là: Cháu Nguyễn Ngọc Anh Q1 sinh ngày 27/12/2011, Nguyễn Ngọc Trung K sinh ngày 15/12/2014 và Nguyễn Ngọc Gia H1 sinh ngày 29/11/2019. Hiện nay cả 3 cháu đều đang ở cùng chị, các cháu đều phát triển tốt. Chị X có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả ba cháu. Chị X không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện nay chị đang làm công nhân tại công ty G, thu nhập ổn định trung bình mỗi tháng 13.000.000đ (mười ba triệu đồng), chị khẳng định mình có đủ điều kiện nuôi dạy các con tốt.

Về tài sản và công nợ: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Ngọc H, nhưng anh H không đến tòa án làm việc, không tham gia phiên hoà giải, không có văn bản trình bày ý kiến.

Theo thông tin từ mẹ đẻ của anh H cho biết Tòa án: Nguyên nhân anh chị mâu thuẫn là do anh H hay ghen, dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Từ đầu năm 2024 chị X về nhà mẹ đẻ chị X để ở, chị có mang theo các con cùng về nhà ngoại. Tòa án nhiều lần gửi giấy tờ mời anh H đến giải quyết việc ly hôn, anh H đã nhận và được biết nhưng anh H không đến tòa vì anh không muốn ly hôn, việc chị X muốn ly hôn thì chị X tự giải quyết.

*Kết quả xác minh tại địa phương:* Chị Lê Thị X và anh Nguyễn Ngọc H có đăng ký kết hôn ngày 07/12/2010, sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống ở nhà chồng tại TDP Y, phường B, TX N, tỉnh Thanh Hóa. Chị X làm việc ở công ty G còn anh H làm nghề lái xe. Quá trình sinh sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn, chị X có báo cáo với địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường uống rượu say xỉn và đập phá đồ đạc. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 02/2024, chị X và các con về nhà ngoại ở. Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc A Quân sinh ngày 27/12/2011, Nguyễn Ngọc Trung K sinh ngày 15/12/2014 và Nguyễn Ngọc Gia H1 sinh ngày 29/11/2019. Hiện tại cả ba cháu đang ở cùng chị X. Về vấn đề ly hôn của anh H, chị X đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49,51 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ các Điều 51,56,57,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X, cho chị X được ly

hôn anh **H**; về con chung: Giao cả ba con chung cho chị **X** được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; chị **X** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét; về tài sản và công nợ: anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị **X** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên toà, anh **H** vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do, vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt anh **H** theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu của chị **Lê Thị X**:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị **X** và anh **H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã B, huyện T (nay là phường B, thị xã N), Thanh H2** vào ngày 7/12/2010 như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh **H** uống rượu say về chửi bới chị **X** và các con. Thực tế anh chị đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Tòa án đã nhiều lần mời anh **H** đến toà án để tham gia hoà giải nhưng anh **H** không đến, chứng tỏ anh **H** không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với chị **X**.

Như vậy hôn nhân giữa chị **X** và anh **H** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy việc chị **X** yêu cầu ly hôn anh **H** là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 51,56 của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Anh chị có 03 con chung là: Cháu **Nguyễn Ngọc Anh Q1** sinh ngày 27/12/2011, **Nguyễn Ngọc Trung K** sinh ngày 15/12/2014 và **Nguyễn Ngọc Gia H1** sinh ngày 29/11/2019. Chị **X** là lao động tự do, sức khoẻ tốt, chị làm công nhân, thu nhập ổn định mỗi tháng 13.000.000đ, chị khẳng định có đủ điều kiện nuôi con tốt, không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Cháu **Q1** và cháu **K** đều trình bày nguyện vọng muốn ở cùng mẹ; cháu **H1** còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, anh **H** không có văn bản trình bày nguyện vọng về nuôi con. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị **X**, giao cả ba cháu cho chị **X** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản và vay nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ:**

Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiêu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị X.**

- *Về hôn nhân:* Chị **Lê Thị X** được ly hôn anh **Nguyễn Ngọc H.**

- *Về con chung:* Anh chị có 03 con chung là: Cháu **Nguyễn Ngọc Anh Q1** sinh ngày 27/12/2011, **Nguyễn Ngọc Trung K** sinh ngày 15/12/2014 và **Nguyễn Ngọc Gia H1** sinh ngày 29/11/2019. Giao cả ba cháu cho chị **X** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị **X** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung nên hội đồng xét xử không xem xét.

Anh **H** được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về tài sản và công nợ:* Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị **X** phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu số 0007144 ngày 17/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn. Chị **X** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chi **X** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh **H** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thanh Huyền**